

Số: 2031 /KH-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, đánh giá chất lượng tại phòng khám đa khoa và một số phòng khám nội tổng hợp có triển khai kỹ thuật nội soi tiêu hóa an thần đường tĩnh mạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024


Ngày 03 tháng 01 năm 2024, Sở Y tế đã ban hành Kế hoạch số 65/KH-SYT về việc công tác kiểm tra y tế năm 2024, theo đó, nhằm tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế, đảm bảo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nói chung, phòng khám đa khoa, phòng khám nội tổng hợp thực hiện nội soi tiêu hóa có an thần đường tĩnh mạch nói riêng hoạt động tuân thủ quy định pháp luật hiện hành; Giám sát và hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố khắc phục những tồn tại, không ngừng cải tiến chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, chất lượng dịch vụ hướng đến sự hài lòng người bệnh, Sở Y tế xây dựng Kế hoạch kiểm tra, đánh giá chất lượng tại phòng khám đa khoa và một số phòng khám nội tổng hợp trên địa bàn Thành phố, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Đánh giá thực trạng việc tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thông qua việc triển khai các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh một cách toàn diện theo các tiêu chí chất lượng áp dụng cho các phòng khám đa khoa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kịp thời hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nắm bắt những quy định pháp luật và cải tiến, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh hướng đến sự hài lòng người bệnh và khắc phục những tồn tại, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo an toàn người bệnh.
- Kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, đồng thời xử lý nghiêm nếu phát hiện vi phạm có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn người bệnh.

2. Yêu cầu

- Phòng khám đa khoa tự rà soát, đánh giá theo tiêu chí chất lượng áp dụng cho phòng khám đa khoa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Tiêu chí chất lượng áp dụng cho phòng khám đa khoa (phiên bản 4.1) ban hành kèm theo Công văn số 3171/SYT-NVY ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Sở Y tế; điều kiện đảm bảo an toàn sinh học; điều kiện khám sức khỏe đối với các phòng khám có thực hiện khám sức khỏe.
- Phòng khám đa khoa, phòng khám nội tổng hợp có triển khai kỹ thuật nội soi tiêu hóa có an thần đường tĩnh mạch tự rà soát, đánh giá hoạt động đảm bảo an toàn thực hiện kỹ thuật an thần đường tĩnh mạch và các điều kiện trong hoạt động nội soi tiêu hóa.
- Kết quả tự đánh giá tiêu chí chất lượng phòng khám đa khoa phải được nhập trực tuyến trên Hệ thống đánh giá chất lượng phòng khám do Sở Y tế triển khai tại địa chỉ: <https://danhgiaphongkham.khambenh.gov.vn> định kỳ mỗi 6 tháng. 

- Kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng do Sở Y tế đánh giá sẽ được Sở Y tế công khai trên Cổng thông tin điện tử ngành y tế (<https://medinet.hochiminhcity.gov.vn>) cho người dân được biết và chọn lựa nơi khám bệnh, chữa bệnh phù hợp khi có nhu cầu.

II. Đối tượng, công cụ, phương pháp

1. Đối tượng

- Các phòng khám đa khoa trên địa bàn Thành phố được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đang hoạt động nhưng chưa được đánh giá trong năm 2023 và các phòng khám đa khoa đã được Sở Y tế đánh giá chất lượng năm 2023 có điểm trung bình chỉ đạt ≤ 2.0 .

- Phòng khám đa khoa và phòng khám nội tổng hợp có triển khai kỹ thuật nội soi tiêu hóa và an thần đường tĩnh mạch.

2. Công cụ đánh giá

- Đánh giá theo Tiêu chí chất lượng áp dụng cho phòng khám đa khoa (phiên bản 4.1) ban hành kèm theo Công văn số 3171/SYT-NVY ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Sở Y tế.

- Bảng kiểm đánh giá điều kiện an toàn sinh học (phụ lục 1).

- Bảng kiểm đánh giá điều kiện khám sức khỏe (phụ lục 2).

- Bảng kiểm đánh giá đảm bảo điều kiện thực hiện kỹ thuật liên quan an thần đường tĩnh mạch (phụ lục 3, phụ lục 4).

- Bảng kiểm đánh giá điều kiện kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hiện các kỹ thuật nội soi tiêu hóa (phụ lục 5, phụ lục 6).

3. Phương pháp: Quan sát thực tế, hồ sơ tài liệu, phỏng vấn trực tiếp nhân sự, người bệnh tại phòng khám.

III. Thành lập đoàn kiểm tra

- Lãnh đạo Sở Y tế: Trưởng đoàn

- Đoàn kiểm tra có 5 tổ kiểm tra độc lập, mỗi tổ bao gồm:

+ Tổ trưởng: Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ Y, Lãnh đạo Phòng Quản lý dịch vụ Y tế thuộc Sở Y tế.

+ Thư ký: Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ Y thuộc Sở Y tế, Chuyên viên Phòng Quản lý dịch vụ Y tế.

+ Thành viên: Thanh tra viên Thanh tra Sở Y tế, Lãnh đạo phòng Kế hoạch tổng hợp, Quản lý chất lượng, Lãnh đạo khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn, Lãnh đạo khoa Gây mê hồi sức tại các bệnh viện trực thuộc.

- Đại diện Phòng Y tế quận, huyện, thành phố Thủ Đức với vai trò quan sát viên.

IV. Thời gian

- Sở Y tế đánh giá:

+ Đợt 1 (Tháng 4 đến Tháng 5 năm 2024): Các phòng khám đa khoa và phòng khám nội tổng hợp có thực hiện kỹ thuật nội soi tiêu hóa và an thần đường tĩnh mạch. Lưu ý: Đối với phòng khám đa khoa có thực hiện kỹ thuật nội soi tiêu hóa và an thần đường tĩnh mạch đã được Sở Y tế đánh giá chất lượng năm 2023 thì ngoài đánh giá điều

W

kiện đảm bảo hoạt động nội soi chẩn đoán, an thần đường tĩnh mạch, Sở Y tế sẽ kiểm tra lại các nội dung tồn tại của đợt kiểm tra chất lượng phòng khám năm 2023.

+ Đợt 2 (Từ tháng 9 đến Tháng 12 năm 2024): Các phòng khám đa khoa còn lại, Sở Y tế sẽ có lịch thông báo cụ thể.

V. Tổ chức thực hiện

1. Các phòng chức năng thuộc Sở Y tế

- Phòng Nghiệp vụ Y phối hợp các phòng chức năng có liên quan của Sở Y tế xây dựng kế hoạch; hướng dẫn các cơ sở phương pháp đánh giá. Tổng hợp, báo cáo Ban Giám đốc Sở Y tế kết quả đánh giá chất lượng tại các phòng khám đa khoa, phòng khám nội tổng hợp có triển khai kỹ thuật nội soi tiêu hóa an thần đường tĩnh mạch.

- Phòng Quản lý dịch vụ Y tế cung cấp danh sách các phòng khám đa khoa đã được cấp phép hoạt động và đang hoạt động, cử nhân sự tham gia Đoàn đánh giá.

- Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp phòng Nghiệp vụ Y tham mưu Ban Giám đốc Sở Y tế ban hành Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá tại các phòng khám đa khoa, phòng khám nội tổng hợp có triển khai kỹ thuật nội soi tiêu hóa an thần đường tĩnh mạch trên địa bàn Thành phố.

- Thanh tra Sở Y tế phối hợp các phòng chức năng thuộc Sở Y tế cung cấp thông tin vi phạm hành chính tại các phòng khám cho các Tổ kiểm tra, đánh giá chất lượng; đề xuất danh sách các phòng khám đa khoa thường xuyên bị phản ánh liên quan hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực y tế để đề xuất kiểm tra, đánh giá đột xuất; đồng thời cử nhân sự tham gia Đoàn đánh giá.

- Văn phòng Sở Y tế đảm bảo bố trí xe di chuyển cho các Tổ kiểm tra.

2. Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa hạng 1: Cử nhân sự tham gia Đoàn kiểm tra, đánh giá của Sở Y tế khi có yêu cầu.

3. Phòng Y tế quận, huyện

- Triển khai và hướng dẫn nội dung kế hoạch này đến các phòng khám đa khoa trên địa bàn quản lý để tự đánh giá và nhập kết quả trực tuyến vào Hệ thống đánh giá chất lượng phòng khám theo quy định và triển khai kế hoạch này đến phòng khám nội tổng hợp có kỹ thuật nội soi tiêu hóa và an thần đường tĩnh mạch theo danh sách đính kèm (phụ lục 7, 8) để biết và thực hiện.

- Đăng nhập vào tài khoản của Phòng Y tế tại địa chỉ: <https://danhgiaphongkham.khambenh.gov.vn> để theo dõi, giám sát các phòng khám đa khoa nhập kết quả đánh giá chất lượng trên hệ thống, đôn đốc các phòng khám tuân thủ quy định về thời gian tự đánh giá chất lượng theo định kỳ mỗi 6 tháng.

- Cử nhân sự tham gia đoàn đánh giá của Sở Y tế với vai trò là quan sát viên và cung cấp các thông tin cần lưu ý về hoạt động của phòng khám trên địa bàn theo nội dung lĩnh vực quản lý.

- Đôn đốc, nhắc nhở và hướng dẫn phòng khám đa khoa, phòng khám nội tổng hợp trên địa bàn quản lý tự rà soát, đánh giá và báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế.

- Chủ động hướng dẫn các phòng khám khắc phục những tồn tại được Đoàn kiểm tra nêu ra, xử lý hoặc tham mưu xử lý những phòng khám không tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình hoạt động khám bệnh, chữa bệnh. *W*

4. Phòng khám đa khoa và phòng khám nội tổng hợp

- Các phòng khám đa khoa được đánh giá trong Đợt 1: Thực hiện tổ chức tự kiểm tra, đánh giá chất lượng theo tiêu chí áp dụng cho phòng khám đa khoa do Sở Y tế ban hành và nhập trực tuyến vào Hệ thống đánh giá chất lượng phòng khám định kỳ 02 lần/năm (Lần 1: trước ngày 15 tháng 3 năm 2024 cho 6 tháng đầu năm 2024; Lần 2: trước ngày 05 tháng 01 năm 2025 cho 6 tháng cuối năm 2024).

- Các phòng khám đa khoa được đánh giá trong Đợt 2: Thực hiện tổ chức tự kiểm tra, đánh giá chất lượng theo tiêu chí áp dụng cho phòng khám đa khoa do Sở Y tế ban hành và nhập trực tuyến vào Hệ thống đánh giá chất lượng phòng khám định kỳ 02 lần/năm (Lần 1: trước ngày 05 tháng 7 năm 2024 cho 6 tháng đầu năm 2024; Lần 2: trước ngày 05 tháng 01 năm 2025 cho 6 tháng cuối năm 2024).

- Phòng khám đa khoa, nội tổng hợp tự rà soát, đánh giá tiêu chí chất lượng phòng khám đa khoa và các bảng kiểm ban hành kèm kế hoạch này theo phạm vi hoạt động và báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế trước 20 tháng 3 năm 2024.

- Tất cả các hồ sơ, tài liệu liên quan đến các nội dung tự đánh giá phải được lưu trữ tại phòng khám theo quy định và sẵn sàng cung cấp cho đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra, đánh giá.

- Bố trí nhân sự để làm việc với đoàn (đảm bảo phải có mặt người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám), lãnh đạo đơn vị hoặc chủ đầu tư và người hành nghề liên quan khi làm việc với Đoàn của Sở Y tế.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, đánh giá chất lượng tại phòng khám đa khoa và một số phòng khám nội tổng hợp có triển khai kỹ thuật nội soi tiêu hóa an thần đường tĩnh mạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024. Sở Y tế yêu cầu các tổ chức, cá nhân nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Y tế (Phòng Nghiệp vụ Y – ĐT: 0283.930.9981) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Giám đốc và các PGD Sở;
- Các phòng chức năng SYT;
- Phòng Y tế QH, TP. Thủ Đức;
- Bệnh viện công lập, ngoài công lập;
- Phòng khám đa khoa, nội tổng hợp;
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Dũng

Phụ lục 7.

DANH SÁCH PHÒNG KHÁM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ TRONG ĐỢT 1

STT	Phòng khám	Người chịu TNCK/MKT	Địa chỉ	Phương	Q/H	Ghi chú	Ngày Kiểm tra
1	Phòng khám Careplus Quận 1 - Chi nhánh Công ty TNHH CityClinic Việt Nam	Phạm Thị Thủy Trang	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,	Nguyễn Thái Bình	1	Có tiền mê	09/4/2024
2	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH DYM Medical Center Việt Nam	Vưu Tiểu Hà	Phòng B103, Tầng hầm 1, Tòa nhà mPlaza Saigon số 39 Lê Duẩn	Bến Nghé	1	Có tiền mê	
3	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Y tế Đại Phước	Tống Nguyễn Diễm Hồng	829-829A-831 Dương 3/2		7	Có tiền mê	10/4/2024
4	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH phòng khám đa khoa Pháp Anh	Nguyễn Thị Tuyết	222-224-226 Nguyễn Duy Dương		4	Có tiền mê	
5	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Y Việt - Phòng khám Bệnh viện Đại học Y Dược 1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	20-22 Dương Quang Trung		12	Có tiền mê	
6	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư SaiGon Healthcare	Nguyễn Xuân Khang	45 Thành Thái		14	Có tiền mê	11/4/2024
7	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH phòng khám quốc tế Hàng Xanh	Trần Thị Hồng Vân	395-397-399 Điện Biên Phủ		25	Có tiền mê	
8	Phòng khám đa khoa Victoria Healthcare thuộc Công ty Cổ phần phát triển Y tế Victoria Healthcare	Teng Quang Tín	37-39-41-43 Lương Định Của	An Khánh		Có tiền mê	16/4/2024
9	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y khoa chuyên sâu quốc tế Bernard - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện quốc tế Bernard 1	Hồ Thị Hồng	201 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Võ Thị Sáu	3	Có tiền mê	

10	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh 3- Công ty chất lượng cuộc sống Kim Cương - Trung tâm Đa khoa Diamond	Đình Nhật Hoàng Chương	179-181 Võ Thị Sáu	Võ Thị Sáu	3	Có tiền mê, chưa đánh giá chất lượng năm 2023	
11	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư 3H - Phòng khám đa khoa quốc tế Yersin	Nguyễn Xuân Lam	10 Trương Định	6	3	Có tiền mê	
12	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Quốc tế Sài Gòn - Lê Văn Lương	Lâm Thị Tú	441 đường Lê Văn Lương	Tân Phong	7	Có tiền mê, chưa đánh giá chất lượng năm 2023	17/4/2024
13	Phòng khám đa khoa Victoria Healthcare thuộc Công ty Cổ phần phát triển Y tế Victoria Healthcare	Lê Hồ Xuân Duy	1056 Nguyễn Văn Linh	Tân Phong	7	Có tiền mê	
14	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Thái Hoà	Nguyễn Cường	29-31 Nguyễn Thị Thập	Tân Phú	7	Có tiền mê	
15	Phòng khám chuyên khoa nội tiêu hóa	Hồ Đăng Quý Dũng	91 - 93 Phạm Hữu Trí	12	5	Có tiền mê	23/4/2024
16	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty cổ phần phòng khám đa khoa Hoàn Mỹ Hữu Nghị	Nguyễn Đình Phương Thảo	501-503 Nguyễn Oanh	17	Gò Vấp	Có tiền mê, chưa đánh giá chất lượng năm 2023	
17	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa quốc tế Golden Healthcare	Phạm Hoàng Minh Nhựt	37 Hoàng Hoa Thám	13	Tân Bình	Có tiền mê	
18	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công	Hồ Thanh Tiêng	36 Tây Thạnh	Tây Thạnh	Tân Phú	Có tiền mê	24/4/2024
19	Phòng khám chuyên khoa nội thuộc Công ty TNHH Y tế Hoàng Khoa	Huỳnh Việt Trung	474 - 476 Vĩnh Viễn	8	10	Có tiền mê	

20	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Y tế Victoria Healthcare - Phòng khám đa khoa DTH	Nguyễn Cảnh Nam	20-20Bis-22 Đinh Tiên Hoàng	Da Kao	1	Có tiền mê, chưa đánh giá chất lượng năm 2023	25/4/2024
21	Phòng khám đa khoa quốc tế Vinmec Sài Gòn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec	Nguyễn Thị Thu Hà	2-2Bis Trần Cao Vân	Da Kao	1	Có tiền mê, Chưa đánh giá năm 2023	
22	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Phòng khám y học chứng cứ DOCTOR CHECK	Trần Duy Bình	429 Tô Hiến Thành	14	10	Có tiền mê, chưa đánh giá chất lượng năm 2023	7/5/2024
23	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Quốc tế Việt Healthcare	Thái Văn Thành	16-18 Lý Thường Kiệt	7	10	Có tiền mê, chưa đánh giá chất lượng năm 2023	
24	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Tiêu Hóa Việt	Trần Nguyễn Huân	9 Tô Hiến Thành	13	10	Có tiền mê, chưa đánh giá chất lượng năm 2023	8/5/2024
25	Phòng khám đa khoa thuộc Địa điểm kinh doanh Chi nhánh Công ty Cổ phần Y Dược VietLife - Phòng khám đa khoa tư nhân VietLife - MRI	Phạm Tuấn Khoa	583 Sư Vạn Hạnh	13	10	Có tiền mê, chưa đánh giá chất lượng năm 2023	

Phụ lục 8.

DANH SÁCH PHÒNG KHÁM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ TRONG ĐỢT 2

STT	Phòng khám	Người chịu TNCKMT	Địa chỉ	Phường	Q/H	Ghi chú
1	Phòng khám đa khoa thuộc Địa điểm kinh doanh số 02 – Công ty Cổ phần Y tế Prime Health – Phòng khám đa khoa Quốc tế Ivy Health	Nguyễn Kim Thịnh	120 Nguyễn Trãi và 121/71 + 121/73 + 121/75 đường Lê Thị Riêng	Bến Thành	1	
2	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Phòng khám Bệnh viện Quốc tế Mỹ	Nguyễn Bá Phước	79 Điện Biên Phủ	Đa Kao	1	
3	Phòng khám đa khoa thuộc Bệnh viện Quận 1 (cơ sở 2)	Lê Thanh Vân	235-237 Trần Hưng Đạo	Cô Giang	1	
4	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Quốc tế Sài Gòn	Nguyễn Tuấn Thanh	9-11-13-15 Trịnh Văn Cấn	Cầu Ông Lãnh	1	
5	Công ty Cổ phần Y tế Táo Đào	Nguyễn Thu Hương	75-77 Thạch Thị Thanh	Tân Định	1	
6	Phòng khám đa khoa DHA Healthcare thuộc Công ty CP TMDV Y tế DHA	Phạm Thị Phương Anh	221 Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Cư Trinh	1	
7	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty CP Bệnh viện Quốc tế European Wellness	Trần Thạch Dũng	77-72 Nam Kỳ khởi nghĩa	Nguyễn Thái Bình	1	
8	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần chăm sóc sức khỏe Việt Gia - Phòng khám đa khoa Sài Gòn Toranomon	Nguyễn Xuân Hùng	65 Võ Văn Tần,	6	3	Đã KT 2023 dưới 2
9	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Tháng 8	Huỳnh Thị Quỳnh Trang	74 Cách Mạng Tháng Tám	Võ Thị Sáu	3	Đã KT 2023 dưới 2
10	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Bách Thụ - Trung tâm Y khoa Vạn Hạnh	Lê Thị Thu Vân	159 Trần Quốc Thảo	9	3	
11	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Phòng khám đa khoa Thiên Phước	Hoàng Thị Tuyết Hạnh	269 Điện Biên Phủ	Võ Thị Sáu	3	

	(tên cũ: Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Thiên Phước)							
12	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Y tế Minh Khai	Nguyễn Thanh Chiến	430 Nguyễn Thị Minh Khai	5	3			
13	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Chăm sóc sức khỏe Song An	Vũ Thị Nhung	510 Nguyễn Đình Chiểu	4	3			
14	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh 6 - Công ty TNHH Trung tâm Y khoa Phước An	Lê Khánh	197-198 Tôn Thất Thuyết	3	4			
15	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Minh Sơn Medical - Trung tâm y khoa Hồng Lạc	Nguyễn Minh Sơn	177-177A, Nguyễn Chí Thanh	12	5	Đã KT 2023 dưới 2		
16	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Hợp tác Y tế Toàn Diện	Tăng Ngọc Diệp	16 Đặng Thái Thân	11	5			
17	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Cộng Đồng CHAC	Trần Thị Kim Thu	110A Ngô Quyền	8	5			
18	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Việt Thái Hòa	Lục Chánh Trực	60B-62, đường Tân Đà	11	5			
19	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy	Phạm Minh Tuấn	615A Trần Hưng Đạo	1	5			
20	Phòng khám đa khoa Vietlife số 4 - Địa điểm kinh doanh chi nhánh Công ty Cổ phần Y Dược Vietlife	Hà Văn Tuấn	189A - 189B đường Nguyễn Chí Thanh	12	5			
21	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh 5 - Công ty TNHH Trung tâm Y khoa Phước An	Đình Xuân Hòa	42 Đường số 26	10	6			
22	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Sky	Tôn Nữ Phương Thảo	156-158 Lâm Văn Bền	Tân Quy	7	Đã KT 2023 dưới 2		

23	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Barun	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Số R4-45, đường Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng	Tân Phong	7	
24	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Y Dược quốc tế Nhân Đức - Phòng khám đa khoa Nhân Đức 2	Huỳnh Chí Hùng	63 Cao Triều Phát	Tân Phong	7	
25	Phòng khám Gia Đình Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng khám số 4) thuộc Công ty TNHH Phòng khám Gia Đình Thành phố Hồ Chí Minh	Naumova Ekaterina	R-12A, Khu phố Riverpark Premier Complex, số 41, đường Dặng Đức Thuật	Tân Phong	7	
26	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Liên doanh Phòng khám đa khoa Vì Na Chăm sóc sức khỏe	Đỗ Thị Thanh Huyền	R4-30 Khu phố Hưng Phước 3	Tân Phong	7	
27	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Trí Việt (tên cũ: Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Tân Mỹ)	Nguyễn Văn Nâu	51 Tân Mỹ	Tân Phú	7	
28	Phòng khám đa khoa thuộc Bệnh viện Quận 8 - Cơ sở 2 (Phòng khám đa khoa Xóm Cũi)	Trần Kế Vũ	379 Tưng Thiện Vương	12	8	
29	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Thiên Phúc	Vũ Văn Châu	83 Lê Văn Việt	Hiệp Phú	9	
30	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Hưng Dũng	Nguyễn Bích Hà	525/15-525/17 Sư Vạn Hạnh (nối dài)	12	10	Đã KT 2023 dưới 2
31	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH CARDIO	Nguyễn Thị Thanh Trúc	102 đường Tam Đảo	14	10	
32	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Trung Tâm Y tế Hà Đô	Nguyễn Bạch Vân Thủy	35B-35C Đường 3 Tháng 2	11	10	
33	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Hồng Cường (tên cũ: Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Khang Thái)	Nguyễn Thị Minh Hương	87-89 Thành Thái	14	10	

34	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám Quốc tế Exson	Võ Xuân Sơn	722 Sư Vạn Hạnh	12	10
35	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư Khang Minh - Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa	Lê Trung Hiếu	266A-268 Đường 3/2	12	10
36	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố	Nguyễn Văn Tú	957 đường Ba Tháng Hai	7	11
37	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Đại Việt	Đình Xuân Lâm	1503-1505-1507-1509 Đường 3/2	16	11
38	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH MED.LOTUS	Huỳnh Thị Như Hằng	930 Nguyễn Chí Thanh	4	11
39	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ngọc Minh	Cao Xuân Minh	20-22 Lãnh Binh Thăng	13	11
40	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Phú Long	Trịnh Đức Minh	22/3 Hà Huy Giáp, Tổ 38, Khu phố 3	Thạnh Xuân	12
41	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa An Sương	Phạm Thân Tài	57 Đường TTN 1	Tân Thới Nhất	12
42	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Y khoa Hoàng Anh Dũng	Nguyễn Công Hào	31/4D Nguyễn Ảnh Thủ	Hiệp Thành	12
43	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Y tế Thạnh Xuân	Nguyễn Ngọc An	số 588 đường Hà Huy Giáp, Khu phố 1	Thạnh Lộc	12
44	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Y khoa Tâm Phúc	Nguyễn Phú Thịnh	1C Nguyễn Ảnh Thủ	Trung Mỹ Tây	12
45	Phòng khám đa khoa thuộc Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Trung tâm xét nghiệm y khoa thủy nhi - phòng khám đa khoa 118 7C3	Jơ Nông Sang Hing	7C3-8C3 Đường DD5, KDC An Sương, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12	Tân Hưng Thuận	12
46	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ y tế Thạnh xuân	Nguyễn Ngọc An	588 đường Hà Huy Giáp, Khu phố 1, Phường Thạnh Lộc	Thạnh Lộc	12

47	Phòng khám đa khoa thuộc Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần bệnh viện quốc tế Medical Care & Healthcare – Phòng khám đa khoa quốc tế Medical Care & Health	Đinh Khắc Hiếu	64-68-70-72 Đường 400	Tân Phú	Thủ Đức	
48	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Vạn Phúc Thủ Đức	Hoàng Đình Quảng	431 Quốc lộ 13, Khu phố 5	Hiệp Bình Phước	Thủ Đức	
49	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Y khoa Tâm Bình Medic	Đặng Hồng Tú	245 đường Nguyễn Văn Tăng	Long Thạnh Mỹ	Thủ Đức	
50	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Hồ Nguyễn Tiến	L5-04,05,06, Tầng 5, Tòa nhà Estella, 88 Song Hành	An Phú	Thủ Đức	
51	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Một thành viên Phòng khám đa khoa Lê Minh Xuân	Lê Cảnh Châu Sa	B23/475F1 Trần Đại Nghĩa, Ấp 2	Tân Nhựt	Bình Chánh	Đã KT 2023 dưới 2
52	Phòng khám đa khoa vệ tinh thuộc Bệnh viện huyện Bình Chánh (Cơ sở 2)	Nguyễn Văn Ưt	C9/13A Ấp 3, đường Lại Hùng Cường	Xã Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	
53	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Y tế Bình An	Nguyễn Hữu Luyện	D3/19 đường Nguyễn Thị Tú, Ấp 4	Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	
54	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Gia Việt	Lê Tín	E1/44H Ấp 5	Vĩnh Lộc A	Bình Chánh	
55	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Sài Gòn Medic (tên cũ: Công ty TNHH Bệnh viện Việt Đức - Đa khoa Sài Gòn Medic)	Nguyễn Thị Hòa	D1/02 Ấp 4	Phong Phú	Bình Chánh	
56	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Y Dược Gia Đình	Nguyễn Đình Ba	D19/27X-D19/27Y Vĩnh Lộc	Vĩnh lộc B	Bình Chánh	
57	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	Phan Minh Đức	350 đường Tân Túc	Thị trấn Tân Túc	Bình Chánh	
58	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Y tế Bình An	Phạm Văn Dám	D3/19 đường Nguyễn Thị Tú, Ấp 4	Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	

59	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Ngọc Huệ - Trung tâm Y khoa Phước Lộc	Nguyễn Phước Lộc	Số 17 Đường số 5, KDC Him Lam, Ấp 4A	Bình Hưng	Bình Chánh	
60	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Định Bến	Đình Văn Định	D8/40D Đoàn Nguyễn Tuấn	Hưng Long	Bình Chánh	
61	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng Tâm Phúc	Phùng Ngọc Hưng	464 Đường số 7	Bình Trị Đông B	Bình Tân	Đã KT 2023 dưới 2
62	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Y Dược Phúc Tâm An	Ngô Thị Lệ Dung	35-37 Lê Văn Quới	Bình Trị Đông	Bình Tân	
63	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Phòng khám đa khoa Thành An	Lê Hoàng Hà	740-742-744-746 Hương Lộ 2, Khu phố 6	Bình Trị Đông A	Bình Tân	
64	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Tây Lân	Trần Thị Út Hậu.	46 đường Tây Lân	Bình Trị Đông A	Bình Tân	
65	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Quận Bình Tân	-Trương Đình Nhân	1014/88/1 Tân Kỳ Tân Quý	Bình Hưng Hòa	Bình Tân	
66	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thành viên Y khoa MecCare (tên cũ: Doanh nghiệp tư nhân Phòng khám đa khoa Hưng Lộc)	Dương Hữu Tín	578-580 Hương Lộ 2	Bình Trị Đông	Bình Tân	
67	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Vạn Phước	Nguyễn Quang Hùng	1153 Quốc lộ 1A, Khu phố 9	Tân Tạo	Bình Tân	
68	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Văn Nhân	Phan Phương Túy	354-356 Hồ Học Lãm	An Lạc	Bình Tân	
69	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Bình Tân	Nguyễn Thị Lệ Linh	166 Khu phố 26 Lê Văn Quới	Bình Hưng Hòa A	Bình Tân	
70	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Phú Lâm - trung tâm Y khoa Phú Lâm	Võ Phan Minh Trí	01-03-05 Đường 33A	Bình Trị Đông B	Bình Tân	

71	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần phòng khám đa khoa Thành An	Nguyễn Văn Trường	1689A-1691 Tỉnh Lộ 10, Khu phố 5	Tân Tạo A	Bình Tân	Đã KT
72	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ Y tế Edoctor	Trần Hồng Đào	69 Đinh Bộ Lĩnh	26	Bình Thạnh	Đã KT 2023 dưới 2
73	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Olympus Gia Mỹ	Nguyễn Anh Tuấn	33 Nguyễn Huy Lượng	14	Bình Thạnh	
74	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Việt Mỹ	Phan Trí Tín	1 Hoàng Hoa Thám	6	Bình Thạnh	
75	Phòng khám đa khoa (phòng khám số 2) thuộc Công ty TNHH phòng khám gia đình thành phố hồ chí minh	Trần Thị Kim Nguyệt	Tòa nhà The Manor, số 91 Nguyễn Hữu Cảnh	22	Bình Thạnh	Thu hồi
76	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Huyện Cần Giờ - Cơ sở 2 (Phòng khám đa khoa khu vực An Nghĩa)	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	đường Tam Thôn Hiệp, Ấp An Nghĩa	An Thới Đông	Cần Giờ	
77	Phòng khám đa khoa thuộc Bệnh viện Huyện Củ Chi - Cơ sở 2 (Phòng khám đa khoa Tân Quy)	Nguyễn Thị Mẫn	Tỉnh lộ 8 Ấp 12	Tân Thạnh Đông	Củ Chi	
78	Địa điểm kinh doanh phòng khám đa khoa Medlatec Gò Vấp trực thuộc Công ty TNHH Medlatec	Bùi Thị Cẩm Bình	999-1003 đường Phan Văn Trị, Phường 07	7	Gò Vấp	
79	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Medic City	Phạm Văn Nhi	4/27A Quang Trung, Ấp Nam Thới	xã Thới Tam Thôn	Hóc Môn	Đã KT 2023 dưới 2
80	Phòng khám đa khoa thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn - Phòng khám khu vực 2	Lê Hoài Cẩm	159A Nguyễn Ảnh Thủ	Trung Chánh	Hóc Môn	
81	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Phòng khám đa khoa Quang Huy 1	Cô Thị Nga	22/5C Ấp Trung Đông	xã Thới Tam Thôn	Hóc Môn	



82	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Phòng khám đa khoa Hiệp Thành	Nguyễn Vũ Hoàng	5/6C, Ấp 5 Lê Văn Khuông	Đông Thạnh	Học Môn	
83	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Xuân Thới	Hoàng Thị Huyền	20/4A Tô 1, Ấp 2	Xuân Thới Thượng	Học Môn	
84	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám Y Dược Sài Gòn	Nguyễn Thành Chí	52/3-52/3C Ấp 4	Xuân Thới Thượng	Học Môn	
85	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH bệnh viện đa khoa kỹ thuật cao Sài Gòn	Nguyễn Văn Quích	609 ấp Bình Thuận	Xã Bình Khánh	huyện Cần Giờ	
86	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y Tế Huyện Nhà Bè	Lê Tấn Đức	01 Đường số 18, Khu dân cư Cotec, Ấp 01	Xã Phú Xuân	Nhà Bè	
87	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Dịch vụ - Kỹ thuật Đắc Phúc	Vương Hùng Việt	1842A Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 6	Thị trấn Nhà Bè	Nhà Bè	
88	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutribome - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Thị Cúc	198 Hoàng Văn Thụ		Phú Nhuận	
89	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Tân Bình (tên cũ: Công ty TNHH Bệnh viện Nam Học Sài Gòn)	Phạm Ánh Thủy	495 Cộng Hòa		Tân Bình	
90	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh 1 - Công ty TNHH Trung tâm trị liệu và Phục hồi chức năng An Nhiên	Bé Thị Hương	87 Trường Chinh		Tân Bình	
91	Phòng khám đa khoa - Phòng khám đa khoa Saigon - Ito Tân Bình - Địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế chấn thương chỉnh hình Sài Gòn)	Châu Anh Dũng	232 Lê Văn Sỹ		Tân Bình	
92	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Hảo	Võ Thanh Ngọc	87-89 Gò Dầu	Tân Quý	Tân Phú	Đã KT 2023 dưới 2
93	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Y khoa Vạn Xuân	Phạm Hoàng Minh	366 Tân Kỳ Tân Quý	Sơn Kỳ	Tân Phú	

94	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Cộng Hòa	Nguyễn Bảo Trị	12 Dương Đức Hiền	Tây Thành	Tân Phú	
95	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH DVYT Phòng khám đa khoa Thiên Tâm Sài Gòn	Lê Thị Bạch Huệ	121 Tô Ngọc Vân	Linh Tây	Thủ Đức	Đã KT 2023 dưới 2
96	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Y tế và Thương mại Nhân Việt	Lê Tấn Kỳ Phi	189 Lê Văn Lương	Hiệp Phú	Thủ Đức	Đã KT 2023 dưới 2
97	Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Y Dược Quốc Tế Nhân Đức - Phòng khám đa khoa Nhân Đức 3	Đoàn Minh Phương	28 Đường số 10	Thảo Điền	Thủ Đức	
98	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức - Cơ sở 3	Nguyễn Hưng	Số 02 Nguyễn Văn Lịch	Linh Tây	Thủ Đức	
99	Phòng khám đa khoa thuộc Bệnh viện Lê Văn Thịnh - Khoa Khám bệnh 2	Phạm Quốc Cường	89 Thảo Điền	Thảo Điền	Thủ Đức	
100	Phòng khám đa khoa thuộc Bệnh viện Quận Thủ Đức - Cơ sở Linh Tây	Nguyễn Duy Thịnh	18 đường Dương Văn Cam	Linh Tây	Thủ Đức	
101	Phòng khám đa khoa thuộc Bệnh viện Quận Thủ Đức - Cơ sở Linh Xuân	Nguyễn Quang Sơn	79 Quốc lộ 1K	Linh Xuân	Thủ Đức	
102	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Y khoa CHAC 2	Châu Trần Chấn Huy	42 Đặng Văn Bi	Bình Thọ	Thủ Đức	
103	Phòng khám đa khoa thuộc Bệnh viện Quận Thủ Đức - Cơ sở Bình Chiểu	Trịnh Quang Lập	43 đường Bình Chiểu	Bình Chiểu	Thủ Đức	
104	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Bắc Mỹ	Hồ Đăng Nghĩa	139 Nguyễn Văn Tăng	Long Thạnh Mỹ	Thủ Đức	
105	Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Đa khoa Phước Sơn	Hồ Văn Ý	226 V6 Văn Ngăn	Bình Thọ	Thủ Đức	

Phụ lục 1.
BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN SINH HỌC
TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

I. Thông tin về cơ sở có phòng xét nghiệm

- Tên cơ sở có phòng xét nghiệm:
- Địa chỉ:
- Tên phòng xét nghiệm (*ghi rõ thuộc khoa nào, đặt tại khu vực (tầng, lầu) nào của cơ sở KCB*):
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật:
- Số điện thoại liên hệ:
- Cấp độ ATSH được kiểm tra:
 Cấp I
 Cấp II

II. Nội dung

Yêu cầu	ĐÁNH GIÁ		Ghi chú
	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT	
A. Cơ sở vật chất			
1. Quy định khu vực làm việc			
a) Có địa điểm cố định			
b) Đạt diện tích yêu cầu theo quy định:			
- Trường hợp thực hiện xét nghiệm vi sinh thì phòng xét nghiệm phải có diện tích ít nhất là 20 m ² ; riêng biệt với các PXN huyết học, hoá sinh, di truyền y học và các phòng xét nghiệm khác <i>và riêng biệt với các phòng xét nghiệm khác.</i>			
- Trường hợp thực hiện một trong các xét nghiệm huyết học hoặc hóa sinh hoặc di truyền y học hoặc miễn dịch thì PXN có diện tích ít nhất là 10 m ² .			
- Trường hợp thực hiện 02 hoặc 03 trong các xét nghiệm huyết học, hoá sinh, di truyền y học, miễn dịch thì phòng xét nghiệm có diện tích ít nhất là 15 m ² .			
- Trường hợp thực hiện cả 04 xét nghiệm huyết học, hoá sinh, di truyền y học, miễn dịch thì phòng xét nghiệm có diện tích ít nhất là 20 m ² .			
- Trường hợp thực hiện giải phẫu bệnh và tế bào học thì phòng xét nghiệm phải có diện tích tối thiểu 20 m ² ; <i>riêng biệt với các phòng xét nghiệm huyết học, hoá sinh, di truyền y học và các phòng xét nghiệm khác.</i>			
c) Bảo đảm các điều kiện về an toàn bức xạ, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.			
d) Phải bố trí khu vực xử lý dụng cụ y tế sử dụng lại, trừ trường hợp không có dụng cụ phải tiệt khuẩn lại hoặc có hợp đồng với cơ sở y tế khác để tiệt khuẩn dụng cụ.			

✓

e) Ánh sáng tại khu vực xét nghiệm theo quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc - Khu vực xét nghiệm: ≥ 500 lux - Khu vực hành chính, tiệt trùng: ≥ 300 lux			
f) Có nước sạch cung cấp cho khu vực xét nghiệm theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và Thông tư 26/2021/TT-BYT bổ sung, bãi bỏ một số điều TT41/2018/TT/BYT.			
g) Bề mặt tường của phòng xét nghiệm phải sử dụng vật liệu không thấm nước sát đến trần nhà.			
h) Bề mặt sàn của phòng xét nghiệm phải sử dụng vật liệu không thấm nước, bề mặt phẳng, không đọng nước.			
i) Bàn xét nghiệm phải sử dụng vật liệu không thấm nước, chống ăn mòn, có hệ thống chậu rửa. Có vòi nước sạch lắp ngay tại bàn.			
j) Có nơi chờ lấy bệnh phẩm, nơi nhận bệnh phẩm, nơi vệ sinh dụng cụ.			
k) Phải riêng biệt với các phòng khác của cơ sở xét nghiệm (cấp II).			
2. Có dụng cụ rửa mắt khẩn cấp, hộp sơ cứu:			
- Thiết bị rửa mắt khẩn cấp và hộp sơ cứu đặt tại vị trí thuận lợi cho việc sử dụng. (vận hành được và có kiểm tra định kỳ).			
3. Có hệ thống thu gom, xử lý hoặc trang thiết bị xử lý nước thải (cấp II):			
- Kết quả phân tích các thông số nước thải y tế (gồm 15 thông số) sau xử lý (không quá 06 tháng) phải đạt QCVN 28:2010/BTNMT.			
<i>Lưu ý: đối với các cơ sở y tế không sử dụng nguồn phóng xạ thì chỉ cần phân tích 13 thông số (bỏ chỉ tiêu phóng xạ α và β).</i>			
4. Có biển báo nguy hiểm sinh học trên cửa ra vào của khu vực xét nghiệm (cấp II):			
- Biển báo đúng tiêu chuẩn và nhận biết được trong hệ thống văn bản quy định ra vào của phòng xét nghiệm.			
B. Điều kiện về trang thiết bị			
5. Các thiết bị xét nghiệm phù hợp với kỹ thuật và mẫu bệnh phẩm hoặc vi sinh vật được xét nghiệm:			
- Thiết bị phải phù hợp với danh mục kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.			
- Có hướng dẫn sử dụng nhanh các thiết bị tại vị trí dễ tiếp cận, sử dụng.			

- Có hồ sơ thiết bị bao gồm: lý lịch thiết bị, nhật ký vận hành, biên bản khử nhiễm, tình trạng kiểm tra, hiệu chuẩn; kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa (kiểm định, hiệu chuẩn) và thanh lý.			
- Các thiết bị phải có nhãn đủ thông tin phù hợp như: tên, số sêri, ngày đưa vào sử dụng, tình trạng kiểm tra, hiệu chuẩn; lý lịch thiết bị và hướng dẫn sử dụng.			
- Khi lắp đặt và vận hành, các thiết bị phải bảo đảm các yêu cầu và thông số kỹ thuật của nhà sản xuất.			
- Không sử dụng thiết bị phòng xét nghiệm vào mục đích khác.			
6. Các trang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với loại kỹ thuật xét nghiệm thực hiện tại cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học tùy theo cấp độ an toàn sinh học phòng xét nghiệm:			
- Sử dụng quần, áo bảo hộ dài tay khi làm việc trong phòng xét nghiệm.			
- Quần áo bảo hộ sử dụng trong phòng xét nghiệm phải được để riêng biệt.			
- Không mặc quần áo bảo hộ sử dụng trong phòng xét nghiệm ra ngoài khu vực phòng xét nghiệm.			
- Sử dụng găng tay phù hợp trong quá trình làm việc có khả năng tiếp xúc với vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm cho người hoặc các mẫu bệnh phẩm có khả năng chứa vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm cho người; găng tay phải được đeo trùm ra ngoài áo bảo hộ.			
- Thay găng tay khi bị nhiễm bẩn, bị rách hoặc trong trường hợp cần thiết; tháo bỏ găng tay sau khi thực hiện xét nghiệm và trước khi rời khỏi phòng xét nghiệm; không dùng lại găng tay đã sử dụng; không sử dụng găng tay đang hoặc đã sử dụng trong phòng xét nghiệm khi đóng, mở cửa.			
- Sử dụng giày, dép kín mũi; không sử dụng giày gót nhọn trong phòng xét nghiệm.			
- Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt và mặt (khẩu trang, kính, mặt nạ) khi thực hiện thao tác có nguy cơ tạo giọt bắn, khí dung trong khi thực hiện xét nghiệm mà không sử dụng tủ an toàn sinh học, các thao tác có nguy cơ văng bắn hóa chất hoặc có nguy cơ tiếp xúc với nguồn tia cực tím (cấp II).			
7. Có thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm hoặc thiết bị khử khuẩn (cấp II):			
- Sử dụng thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm và kiểm định định kỳ theo quy định tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành 30 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.			
- Có hồ sơ giám sát và vận hành thiết bị hấp.			



✓

- Có hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định.			
8. Có tủ an toàn sinh học (cấp II):			
- Có hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định.			
C. Điều kiện về nhân sự			
9. Số lượng nhân viên: Có ít nhất 02 nhân viên xét nghiệm. Nhân viên trực tiếp thực hiện xét nghiệm vi sinh vật phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với loại hình xét nghiệm mà cơ sở đó thực hiện.			
10. Quy định về đào tạo, tập huấn:			
- Nhân viên xét nghiệm, người chịu trách nhiệm về an toàn sinh học phải được tập huấn về an toàn sinh học từ cấp I trở lên (cấp I).			
- Nhân viên xét nghiệm, người chịu trách nhiệm về an toàn sinh học phải được tập huấn về an toàn sinh học từ cấp II trở lên (cấp II).			
11. Quy định về kiểm tra sức khỏe:			
- Phòng xét nghiệm phải tổ chức khám sức khỏe đối với nhân viên phòng xét nghiệm theo quy định của Luật lao động số 45/2019/QH14 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.			
- Nhân viên xét nghiệm phải được tiêm chủng liên quan tác nhân gây bệnh được thực hiện tại phòng xét nghiệm, trừ trường hợp tác nhân đó chưa có vắc xin (cấp II).			
- Nhân viên phòng xét nghiệm mang thai; mắc bệnh truyền nhiễm hoặc bị suy giảm miễn dịch; tai nạn ảnh hưởng đến khả năng vận động tay, chân, có vết thương hở phải thông báo cho người phụ trách phòng xét nghiệm để được phân công công việc thích hợp (cấp II).			
D. Điều kiện về quy định thực hành			
12. Có quy định ra vào khu vực xét nghiệm:			
- Người có trách nhiệm được phép vào, ra phòng xét nghiệm, những người khác khi ra, vào phòng xét nghiệm phải được sự đồng ý của người có thẩm quyền và được hướng dẫn, giám sát.			
- Có các biện pháp bảo đảm an ninh (cấp II).			
13. Có quy trình xét nghiệm phù hợp với kỹ thuật và mẫu bệnh phẩm hoặc vi sinh vật được xét nghiệm:			
- Có đầy đủ quy trình, hướng dẫn thực hiện xét nghiệm; quy định về quản lý và sử dụng hoá chất, các chủng vi sinh, trang thiết bị điện và các bình khí nén tại cơ sở.			
- Quy trình chuyên môn được lãnh đạo đơn vị phê duyệt và theo mẫu quy định, có sẵn ở nơi làm việc.			
14. Quy định về thực hiện các thao tác trong phòng xét nghiệm:			

- Rửa tay theo quy trình thường quy hoặc sát khuẩn nhanh trước và sau khi thực hiện xét nghiệm, sau khi tháo bỏ găng tay, trước khi rời khỏi phòng xét nghiệm.			
- Có và tuân thủ các quy trình xét nghiệm bảo đảm các thao tác được thực hiện theo cách làm giảm tối đa việc tạo các giọt bắn hoặc khí dung.			
- Đóng gói mẫu bệnh phẩm để vận chuyển ra khỏi cơ sở xét nghiệm theo quy định tại Thông tư số 40/2018/TT-BYT ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mẫu bệnh phẩm bệnh truyền nhiễm.			
- Không dùng bơm, kim tiêm để thay thế pipet hoặc vào bất kỳ mục đích khác ngoài mục đích tiêm, truyền hay hút dịch từ động vật thí nghiệm.			
- Không ăn uống, hút thuốc, cạo râu, trang điểm trong phòng xét nghiệm; không mang đồ dùng cá nhân, thực phẩm vào phòng xét nghiệm; không đeo hay tháo kính áp tròng, sử dụng điện thoại khi đang thực hiện xét nghiệm.			
- Các thao tác kỹ thuật xét nghiệm có nguy cơ tạo giọt bắn và khí dung phải được thực hiện trong tủ an toàn sinh học trừ trường hợp thực hiện xét nghiệm bằng các thiết bị xét nghiệm chuyên dụng hoặc sử dụng thêm các biện pháp bảo vệ khác theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BYT (cấp II).			
15. Quy định về khử nhiễm, xử lý chất thải, phòng ngừa, xử lý và khắc phục sự cố an toàn sinh học:			
- Có và tuân thủ quy trình về khử nhiễm và xử lý chất thải y tế.			
- Phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT- BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.			
- Khử trùng bề mặt khu vực làm việc sau khi kết thúc thực hiện xét nghiệm hoặc khi tràn đổ mẫu bệnh phẩm chứa tác nhân gây bệnh.			
- Tất cả thiết bị, dụng cụ phải được vệ sinh sạch sẽ, khử khuẩn trước khi bảo dưỡng, sửa chữa hoặc vận chuyển ra khỏi phòng xét nghiệm.			
- Lưu hồ sơ sự cố và biện pháp xử lý sự cố ít nhất 3 năm.			
- Phải khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn chất thải sử dụng trong quá trình xét nghiệm trước khi đưa vào hệ thống thu gom chất thải hoặc nơi lưu giữ tạm thời (cấp II).			
16. Có quy định lưu giữ, bảo quản mẫu bệnh phẩm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm tại cơ sở xét nghiệm (cấp II):			
- Có quy định và thực hiện lưu trữ, hủy bệnh phẩm, hóa chất, thuốc thử còn lại sau xét nghiệm, xác súc vật thí nghiệm.			



22

17. Có kế hoạch đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố an toàn sinh học tại cơ sở xét nghiệm và xây dựng kế hoạch phòng ngừa, xử lý sự cố an toàn sinh học (cấp II):			
- Có và tuân thủ quy trình đánh giá nguy cơ sinh học, xử lý sự cố trong đó quy định việc thực hiện báo cáo tất cả các sự cố xảy ra trong phòng xét nghiệm;			

Nhận xét:

.....

Người đánh giá

TP.HCM, ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ





Phụ lục 2.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KHÁM SỨC KHOẺ**I. Thông tin chung**

1.1. Tên cơ sở KCB:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Họ và tên người chịu trách nhiệm chuyên môn tại đơn vị:.....

1.4. Số Điện thoại:

1.5. Email:

1.6. Loại hình khám sức khỏe (KSK):

- Khám sức khỏe không có yếu tố nước ngoài: - Khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài: - Khám sức khỏe cho người lái xe: *(Đánh dấu “Đ” nếu đạt hoặc “K” nếu không đạt ứng với mỗi tiêu chí của từng Mức)*

TT	Tiêu chí	Kết quả đánh giá		Lý do
		PK đánh giá (Đ/K)	Đoàn SYT đánh giá (Đ/K)	
I.	Cơ sở vật chất			
1.1.	KSK không có yếu tố nước ngoài và KSK có yếu tố nước ngoài: - Có đầy đủ PK chuyên khoa: nội, ngoại, sản, mắt, TMH, RHM, da liễu, X-quang, xét nghiệm. - Riêng đối với cơ sở chỉ khám cho các đối tượng dưới 18 tuổi chỉ cần có các chuyên khoa: Nhi, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, X-quang, xét nghiệm.			
1.2.	KSK cho người lái xe: - Có đầy đủ PK chuyên khoa: tâm thần, thần kinh, nội (tim mạch, hô hấp, cơ xương khớp, nội tiết), sản, mắt, TMH, X-quang, xét nghiệm.			
1.3.	KSK cho người lái xe: - Đảm bảo liên thông dữ liệu giấy KSK lái xe với Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động KCB hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế hoặc công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế.			
1.4.	Lưu ý: Trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thực hiện khám sức khỏe lưu động tại cơ quan, tổ chức ngoài khuôn viên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được công bố đủ điều kiện khám sức khỏe thì cơ sở phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Điều 82, 83 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.			



II.	Trang thiết bị (phải có đầy đủ trang thiết bị cần thiết, phù hợp với danh mục kỹ thuật được phê duyệt để khám, phát hiện được tình trạng sức khỏe theo tiêu chuẩn và mẫu phiếu khám sức khỏe được ban hành theo các văn bản hướng dẫn KSK)			
III.	Nhân sự			
3.1.	Bác sĩ khám từng chuyên khoa có CCHN			
3.2.	Người kết luận có CCHN và được phân công thực hiện bằng văn bản			
IV.	Danh mục kỹ thuật (đảm bảo đã được cơ quan quản lý phê duyệt những kỹ thuật quy định tại các biểu mẫu khám sức khỏe theo quy định)			
V.	Mẫu giấy khám sức khỏe			
	KSK không có yếu tố nước ngoài và KSK có yếu tố nước ngoài) bao gồm:			
5.1.	Đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên: theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT.			
5.2.	Đối với người chưa đủ 18 tuổi: theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT.			
5.3.	Đối với người mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự đề nghị KSK (không phải KSK định kỳ): - Theo mẫu giấy KSK quy định tại mục 5.1 hoặc 5.2			
5.4.	Đối với người mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự đề nghị KSK (không phải KSK định kỳ): - Văn bản đồng ý của thân nhân người bệnh quy định tại khoản 11 Điều 2 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.			
5.5.	Đối KSK định kỳ: - Theo mẫu quy định tại Mẫu số 03 phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT. Riêng đối với nữ khi KSK định kỳ được khám thêm chuyên khoa phụ sản theo danh mục quy định tại phụ lục số XXV ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT			
5.6.	Đối KSK định kỳ: - Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc đối với trường hợp KSK định kỳ đơn lẻ hoặc có tên trong danh sách KSK định kỳ do cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc xác nhận để thực hiện KSK định kỳ theo hợp đồng.			
	KSK cho người lái xe:			
5.7.	Mẫu giấy KSK quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 24/20115/TTLT-BYT-BGTVT			

5.8.	Mẫu số khám sức khỏe định kỳ quy định tại phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 24/2015			
VI.	Lưu trữ hồ sơ: Tổ chức lưu hồ sơ giấy khám sức khỏe theo quy định tại mục 20 nhóm 01 Tài liệu về khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng ban hành kèm theo Thông tư số 53/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ ngành y tế.			
VII.	Báo cáo công tác khám sức khỏe: Gửi văn bản về Sở Y tế theo quy định định kỳ 02 lần/năm theo biểu mẫu quy định tại phụ lục số XXVI Thông tư số 32/2023/TT-BYT - Báo cáo 6 tháng: Ngày 20/6 - Báo cáo năm: Ngày 20/12 -Đồng thời báo cáo nhanh qua link: http://tinyurl.com/baocaocongtacKSK để Sở Y tế tổng hợp trình Bộ Y tế.			
VIII.	Quy trình thực hiện KSK tại đơn vị			

Nhận xét:

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm 2024

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ





Phụ lục 3.

**BẢNG KIỂM KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN AN TOÀN TRONG THỰC HIỆN
KỸ THUẬT AN THẬN ĐƯỜNG TĨNH MẠCH TẠI
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA**

(Áp dụng cho phòng khám có kèm đánh giá chất lượng)

A. PHẦN HÀNH CHÍNH

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Giấy phép hoạt động số:

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật:

Chứng chỉ hành nghề số:

B. NỘI DUNG KIỂM TRA

STT	Yêu cầu	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
A	Nhân sự			
1	Có bác sĩ có chứng chỉ hành nghề gây mê hồi sức.			
B	Cơ sở vật chất			
2	Có bố trí buồng khám tiền mê.			
3	Có bố trí buồng thủ thuật với đầy đủ phương tiện cấp cứu.			
4	Có bố trí buồng hồi tỉnh hoặc buồng lưu bệnh với đầy đủ phương tiện cấp cứu. Khuyến khích bố trí buồng hồi tỉnh hoặc buồng lưu bệnh gần buồng thủ thuật để thuận tiện trong việc theo dõi và xử trí cấp cứu (nếu có).			
C	Trang thiết bị			
5	Có nguồn oxy đầy đủ suốt thời gian thực hiện thủ thuật, cùng với một nguồn oxy dự phòng.			
6	Có trang bị máy hút đảm bảo hoạt động..			
7	Có máy monitor theo dõi tiêu chuẩn.			
8	Có hệ thống thông khí áp lực dương như bộ Mapleson. Khuyến khích trang bị máy gây mê giúp thở.			

9	Có trang bị phương tiện tiêm truyền, khuyến khích trang bị bơm tiêm điện tại buồng thủ thuật.			
10	Có trang bị dụng cụ kiểm soát đường thở đầy đủ: Bộ đặt nội khí quản, ống nội khí quản nhiều cỡ, mặt nạ thanh quản, ống thông miệng hầu, bóngambu giúp thở, mask.			
11	Có trang bị máy sốc điện.			
D	Thuốc			
12	Có trang bị đầy đủ thuốc cấp cứu phản vệ theo quy định Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.			
13	Có trang bị thuốc an thần như Midazolam hoặc Propofol.			

Nhận xét:

.....

.....

.....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

....., ngày tháng năm 2024
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

Phụ lục 4.

**BẢNG KIỂM KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN AN TOÀN TRONG THỰC HIỆN
KỸ THUẬT AN THẦN ĐƯỜNG TĨNH MẠCH TẠI PHÒNG KHÁM NỘI
TỔNG HỢP TRIỂN KHAI KỸ THUẬT NỘI SOI TIÊU HÓA CÓ AN
THẦN ĐƯỜNG TĨNH MẠCH**

(Áp dụng đối với phòng khám nội tổng hợp)

A. PHẦN HÀNH CHÍNH

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Giấy phép hoạt động số:

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật:

Chứng chỉ hành nghề số:

B. NỘI DUNG KIỂM TRA

STT	Yêu cầu	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
A	Nhân sự			
1.	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật là bác sĩ có giấy phép hành nghề với phạm vi chuyên môn và thời gian hành nghề theo quy định.			
2.	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật hành nghề toàn thời gian.			
3.	Tất cả nhân sự đều đăng ký hành nghề với Sở Y tế theo quy định.			
4.	Đảm bảo nhân sự thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt.			
5.	Có bác sĩ có chứng chỉ hành nghề gây mê hồi sức.			
6.	Tất cả nhân sự hành nghề tại cơ sở có tham gia cập nhật kiến thức y khoa liên tục đầy đủ theo quy định (120 giờ trong 5 năm).			
B	Cơ sở vật chất			
7.	Có bố trí buồng khám nội.			
8.	Có bố trí buồng thủ thuật với đầy đủ phương tiện cấp cứu.			



9.	Có bố trí buồng khám tiền mê.			
10.	Có bố trí buồng hồi tỉnh hoặc buồng lưu bệnh với đầy đủ phương tiện cấp cứu. Khuyến khích bố trí buồng hồi tỉnh hoặc buồng lưu bệnh gần buồng thủ thuật để thuận tiện trong việc theo dõi và xử trí cấp cứu (nếu có).			
11.	Có khu vực xử lý dụng cụ tách biệt			
C	Trang thiết bị			
12.	Có đầy đủ trang thiết bị y tế phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt.			
13.	Các trang thiết bị y tế đang sử dụng đều được Sở Y tế thẩm định, được bảo trì, bảo dưỡng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.			
14.	Có nguồn oxy đầy đủ suốt thời gian thực hiện thủ thuật, cùng với một nguồn oxy dự phòng.			
15.	Có trang bị máy hút đảm bảo hoạt động.			
16.	Có máy monitor theo dõi tiêu chuẩn.			
17.	Có hệ thống thông khí áp lực dương như bộ Mapleson. Khuyến khích trang bị máy gây mê giúp thở.			
18.	Có trang bị phương tiện tiêm truyền, khuyến khích trang bị bơm tiêm điện tại buồng thủ thuật.			
19.	Có trang bị dụng cụ kiểm soát đường thở đầy đủ: Bộ đặt nội khí quản, ống nội khí quản nhiều cỡ, mặt nạ thanh quản, ống thông miệng hầu, bóng ambu giúp thở, mask.			
20.	Có trang bị máy sốc điện.			
21.	Các trang thiết bị y tế được kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ đúng quy định.			
22.	Tại nơi sử dụng thuốc, sơ đồ chẩn đoán và xử trí phản vệ được dán hoặc treo ở vị trí dễ nhìn.			
D	Thuốc			
23.	Có trang bị đầy đủ thuốc cấp cứu phản vệ theo quy định Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.			

24.	Có trang bị thuốc an thần như Midazolam hoặc Propofol.			
E	Hoạt động chuyên môn			
25.	Tất cả danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đều được Sở Y tế phê duyệt.			
26.	Tất cả các danh mục được phê duyệt đều có quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Y tế.			
27.	Nhân viên y tế tuân thủ quy trình kỹ thuật đã được phê duyệt.			
28.	Có bảng kiểm an toàn thủ thuật/phẫu thuật phù hợp với điều kiện của cơ sở.			
29.	Thực hiện quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đúng quy định.			

Nhận xét:

.....

.....

.....



NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

....., ngày tháng năm 2024

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

**Phụ lục 5. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG NỘI SOI CHÂN ĐOÁN
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

Địa chỉ:

Ngày đánh giá:

A. KHẢO SÁT MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN

STT	Nội dung	Ghi chú	
1.	Số lượng bệnh nhân nội soi năm 2023	Dạ dày: Đại Tràng: Khí phế quản: Niệu:	
2.	Thời gian soi TB/ca	Dạ dày: Đại Tràng: Khí phế quản: Niệu:	
3.	Số lượng máy nội soi	Dạ dày: Đại Tràng: Khí phế quản: Niệu:	Loại máy:
4.	Số lượng ống nội soi	Dạ dày: Đại Tràng: Khí phế quản: Niệu:	
5.	Số lượng kim sinh thiết (loại dùng nhiều lần):	Số lượng:	

B. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO

TT	Nội dung	Có	Không	Lý do
I.	Đào tạo, huấn luyện			
1.	Nhân sự			
1.1	- Số lượng bác sĩ			
1.2	- Số lượng điều dưỡng			
2.	Huấn luyện về xử lý ống nội soi tiêu hóa			
2.1	- Số nhân viên được tập huấn			
2.2	- Số lượng bác sĩ			
2.2	- Số lượng điều dưỡng			
3.	Nơi huấn luyện			
3.1	Đơn vị được cấp mã đào tạo			
3.2	Bệnh viện khác (chưa được cấp mã đào tạo)			

3.3	Hội nghề nghiệp (Hội KSNK...)			
3.4	Tổ chức nước ngoài			
4.	Tài liệu huấn luyện, quy trình, cataloge của máy có tại nơi nội soi và dễ dàng tiếp cận			
5.	Nhân viên phụ trách xử lý dụng cụ được huấn luyện về quy trình xử lý dụng cụ và về độc tính của hoá chất sử dụng			
6.	Nhân viên phụ trách xử lý dụng cụ được kiểm tra năng lực định kỳ hằng năm (qua kỳ thi tay nghề của bệnh viện)			
II.	Cơ sở hạ tầng, phương tiện			
7.	Phòng xử lý ống nội soi tách biệt với phòng nội soi			
8.	Phòng xử lý ống nội soi có thông khí tốt (có cửa sổ hoặc có trao đổi khí chủ động)			
9.	Bảo đảm đầy đủ các phương tiện cần có trong phòng xử lý ống nội soi mềm			
9.1	❖ Nguồn nước			
9.1.1	Nước R.O			
9.1.2	Nước vô khuẩn			
	+ Nước cất đóng chai			
	+ Nước cất chứa trong can			
	+ Phin lọc			
9.2	❖ Bồn			
9.2.1	Tổng số bồn			
	+ có nắp đậy			
	+ có vạch đo lường			
9.2.2	Chất liệu			
	+ nhựa thường			
	+ nhựa chuyên dụng (tái chế được)			
	+ inox			
	+ Khác.....loại:.....			
9.3	❖ Phương tiện làm khô			
9.3.1	Tổng số súng làm khô			
9.3.2	Có kiểm soát khí xây khô			
9.3.3	Khăn vô khuẩn để lau khô			
9.3.4	Còn 70 độ để tráng ống			
9.4	❖ Tủ lưu trữ			
9.4.1	Tủ thường không có bảo vệ vô khuẩn			

9.4.3	Tủ chuyên dụng (phin lọc khí HEPA, tia UV phối hợp,...)			
9.5	❖ Xe vận chuyển			
9.5.1	Xe vận chuyển chuyên dụng			
9.5.2	Hộp vận chuyển			
10.	Hệ thống nước sử dụng cho máy rửa nội soi:			
10.1	Nước máy			
10.2	Nước qua hệ thống lọc RO khử kim loại			
10.3	Nước qua hệ thống phin lọc (phin được thay theo khuyến cáo nhà sản xuất)			
10.4	Có xây dựng tiêu chuẩn nguồn nước cho tráng rửa DC nội soi			
III.	Quy trình xử lý dụng cụ nội soi mềm (bằng tay)			
11.	Có xây dựng quy trình xử lý dụng cụ nội soi			
12.	Quy trình có dán tại nơi xử lý dụng cụ nội soi			
13.	Thực hiện đầy đủ các bước thực hiện theo các bước của bảng kiểm BHYT			
13.1	Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện			
13.1.1	Hóa chất làm sạch là dung dịch có chứa enzyme được pha đúng nồng độ của nhà sản xuất			
13.1.2	Hóa chất khử khuẩn là dung dịch khử khuẩn mức độ cao được pha đúng nồng độ của nhà sản xuất			
13.1.3	Các bồn rửa, thùng đựng hoá chất để ở khu xử lý tách biệt với phòng soi			
13.1.4	Các bồn rửa, thùng đựng hoá chất để theo thứ tự một chiều từ dơ đến sạch			
13.1.5	Làm test đánh giá hiệu lực diệt khuẩn của dung dịch hoá chất khử khuẩn mức độ cao hàng ngày và có ghi chép vào sổ			
13.1.6	Nước cất vô khuẩn để tráng lại các dụng cụ sau khi khử khuẩn mức độ cao			
13.1.7	Khăn lau vô khuẩn			
13.1.8	Súng khí khô chuyên dụng y tế (khí có qua lọc) để làm khô lòng ống.			
13.1.9	Dụng cụ cọ rửa thích hợp cho từng kích thước của kênh, chỗ nối			
13.1.10	Thùng đựng vô khuẩn			
13.1.11	Phương tiện PHCN đủ: áo choàng, tạp dề chống thấm nước, khẩu trang kính bảo hộ, mũ, găng tay các loại)			
13.1.12	Người xử lý mặc PTPHCN đúng quy định			
13.2	Quy trình			



✓

13.2.1	Tiền làm sạch/Làm sạch ban đầu <i>Tại phòng nội soi và Trước khi rút ống soi ra khỏi nguồn sáng và bộ xử lý</i>			
	-Lau mặt ngoài ống soi bằng gạc có tẩm dung dịch tẩy rửa có enzym.			
	-Hút dung dịch tẩy rửa vào các kênh trong lòng ống Số lượng dung dịch ít nhất 250 ml.			
	-Kiểm tra kênh làm việc không bị tắc.			
	-Kích hoạt các van nước, van khí nhiều lần để rửa sạch mọi bề mặt.			
	-Loại bỏ tất cả các chất hữu cơ, máu, niêm mạc còn đọng lại.			
13.2.2	Tháo ống ra khỏi nguồn sáng và bộ xử lý			
	-Tháo ống ra khỏi máy, đặt trong hộp kín có dán nhãn "Ống soi chưa xử lý"			
	-Vận chuyển đến phòng xử lý ống nội soi mềm.			
	Tại phòng/ khu vực xử lý ống soi			
13.2.3	Kiểm tra rò rỉ (theo hướng dẫn của nhà sản xuất)			
	- Nếu có rò rỉ: Gửi phòng vật tư trang thiết bị bảo trì ống nội soi mềm, sau đó tiến hành tiếp Bước 4 - Nếu không có rò rỉ: Tiến hành tiếp Bước 4.			
13.2.4	Giai đoạn làm sạch toàn bộ các bộ phận ống nội soi mềm			
	-Tháo rời tất cả những bộ phận có thể tháo rời được: các van hút, van khí - nước ra khỏi ống soi.			
	-Ngâm ngập toàn bộ các bộ phận vào dung dịch enzym với nồng độ và thời gian theo khuyến cáo của nhà sản xuất.			
	-Dùng các thiết bị hỗ trợ để bơm chất tẩy rửa vào tất cả các kênh của ống soi (theo hướng dẫn của nhà sản xuất).			
	-Cọ rửa toàn bộ các kênh, van, ống, bộ phận kết nối và tất cả các bộ phận tháo lắp được			
	-Sử dụng bàn chải/cọ rửa thích hợp cho từng kích thước của kênh, chỗ nối...của ống nội soi mềm, kênh sinh thiết, kênh hút, các ổ van, các khe. Mỗi kênh chà rửa vài lần cho đến khi sạch. Đặc biệt lưu ý: miệng van khí - nước.			
	-Bơm hơi vào các kênh của máy soi, bảo đảm các kênh thông suốt, sạch.			
	-Rửa lại bằng nước sạch: Xối nước và chải sạch tất cả ống để loại bỏ tất cả chất hữu cơ và chất cặn bã khác. Khởi động lặp đi lặp lại các van trong khi làm sạch để chất khử khuẩn tiếp xúc với tất cả bề mặt			

	-Làm sạch mặt ngoài và các bộ phận của dụng cụ nội soi bằng khăn vải mềm/gạc hay bàn chải.			
	-Đổ bỏ dung dịch enzym sau khi sử dụng.			
	-Nếu có máy rửa siêu âm: Làm sạch bằng sóng siêu âm các bộ phận nội soi đi kèm để tăng cường loại bỏ các chất bẩn và chất hữu cơ.			
13.2.5	Kiểm tra ống			
	-Kiểm tra xem ống có bị nứt, bào mòn, biến màu, còn chất hữu cơ. -Có thể sử dụng đèn phóng đại để kiểm tra. -Lặp lại việc làm sạch nếu như nhìn thấy còn vết bẩn.			
13.2.6	Khử khuẩn mức độ cao/Tiệt khuẩn			
	-Ngâm ngập toàn bộ ống nội soi mềm và các phụ kiện vào dung dịch khử khuẩn mức độ cao. Những thành phần không thể ngâm được phải được thay thế.			
	-Bơm dung dịch khử khuẩn vào tất cả các kênh của ống nội, soi mềm.			
	-Những bộ phận đi kèm (sinh thiết, hay các dụng cụ cắt khác) có cắt niêm mạc phải được làm sạch, khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn giữa những lần sử dụng.cho NB			
	+Kim sinh thiết: Tiệt khuẩn.			
	+Chai nước súc rửa: Tiệt khuẩn hoặc khử khuẩn mức độ cao.			
	+Dùng nước vô khuẩn bỏ vào chai nước này.			
13.2.7	Tráng và làm khô			
	- Xối tráng lại dụng cụ bằng nước vô khuẩn.			
	+ Bơm nước vô khuẩn vào các kênh để đẩy dung dịch khử khuẩn.			
	+ Bỏ nước sau khi sử dụng.			
	- Có thể tráng lại ống bằng cồn ethyl hay cồn isopropyl 70 ⁰ - 90 ⁰			
	- Làm khô lòng ống bằng súng khí khô chuyên dụng y tế (khí có qua lọc)			
	- Lau khô bên ngoài ống soi bằng khăn vô khuẩn			
13.2.8	Lắp ráp			
	- Lắp các phụ kiện (van hút, van khí...) vào vị trí			
	- Vặn các khóa theo hướng dẫn			
	-Đặt ống soi vào thùng/ hộp đã hấp vô khuẩn có dán nhãn “ống soi đã xử lý”; ghi rõ hạn sử dụng (trong vòng 24 giờ) và vận chuyển đến phòng nội soi để sử dụng.			
13.2.9	Bảo quản ống soi			

	Treo ống nội soi mềm ở tư thế đứng trong tủ sạch/tủ chuyên dụng với đầu ống soi tự do.			
13.3	Xử lý dụng cụ thiết yếu khác			
13.3.1	Kiểm sinh thiết dùng 1 lần hoặc tiệt khuẩn nhiệt độ thấp			
13.3.2	Bồn ngâm, tráng nước vô khuẩn sau cùng được khử khuẩn mức độ cao			
13.3.3	Phễu chắn miệng dùng 1 lần/khử khuẩn/tiệt khuẩn theo quy định			
IV.	Lưu trữ, vận chuyển dụng cụ			
14.	Ống nội soi mềm được lưu trữ trong tủ chứa chuyên dụng			
15.	Vận chuyển an toàn từ nơi xử lý đến nơi lưu trữ và đến máy soi			
V.	Kiểm tra, giám sát			
16.	Test thử đánh giá chất lượng hoá chất khử khuẩn bậc cao sử dụng vào mỗi buổi sáng trước khi nội soi và bỏ ngay nếu không đạt nồng độ hiệu quả tối thiểu (xem bảng kiểm tra) <i>Phải ghi ngày bắt đầu sử dụng. Kiểm tra dung dịch trước mỗi ngày sử dụng và ghi vào sổ kết quả. Nếu chỉ thị hóa học cho biết nồng độ ít hơn nồng độ tối thiểu hiệu quả, cần bỏ ngay)</i>			
17.	Khoa/đơn vị nội soi có giám sát quy trình xử lý dụng cụ nội soi			
18.	Khoa/đơn vị nội soi có xây dựng quy trình phản hồi cho khoa KSNK khi có nhiễm khuẩn liên quan đến nội soi			
19.	Khoa/Tổ KSNK thực hiện giám sát quy trình xử lý dụng cụ nội soi			
20.	Có sổ (hoặc phần mềm) ghi nhận lại từng trường hợp nội soi, tên NB, số nhập viện, bác sĩ nội soi, số seri của dụng cụ và máy rửa khử khuẩn (nếu sử dụng) để giúp điều tra dịch.			
21.	Có lịch bảo trì bảo dưỡng máy khử khuẩn nội soi tự động			
22.	Máy được kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng theo hướng dẫn của nhà sản xuất (xem sổ lưu)			
23.	Có đơn vị đánh giá chất lượng bên ngoài kiểm tra định kỳ hàng năm			
24.	Kiểm tra chất lượng nguồn nước dùng cho hệ thống xử lý dụng cụ nội soi mỗi quý			

Ưu điểm:

.....
.....

Khuyết điểm:

.....
.....

III. Đề nghị (*ghi rõ những nội dung bệnh viện cần khắc phục*)

.....
.....
.....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

Ngày tháng năm 2024
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

7/





**Phụ lục 6. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG NỘI SOI CHẨN ĐOÁN
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**
(Áp dụng đối với cơ sở rửa ống nội soi bằng máy)

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

Địa chỉ:

Ngày đánh giá:

A. KHẢO SÁT MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN

STT	Nội dung		Ghi chú
1.	Số lượng bệnh nhân nội soi trong năm 2023	Dạ dày: Đại Tr tràng: Khí phế quản: Niệu:	
2.	Thời gian soi TB/ca	Dạ dày: Đại Tr tràng: Khí phế quản: Niệu:	
3.	Số lượng máy nội soi	Dạ dày: Đại Tr tràng: Khí phế quản: Niệu:	Loại máy:
4.	Số lượng ống nội soi	Dạ dày: Đại Tr tràng: Khí phế quản: Niệu:	
5.	Số lượng kim sinh thiết (loại dùng nhiều lần):	Số lượng:	

B. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO

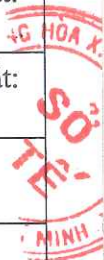
TT	Nội dung	Có	Không	Lý do
I.	Đào tạo, huấn luyện			
1.	Nhân sự			
1.1	- Số lượng bác sĩ			
1.2	- Số lượng điều dưỡng			
2.	Huấn luyện về xử lý ống nội soi tiêu hóa			
2.1	- Số nhân viên được tập huấn			
2.2	- Số lượng bác sĩ			
2.2	- Số lượng điều dưỡng			
3.	Nơi huấn luyện			
3.1	Đơn vị được cấp mã đào tạo			
3.2	Bệnh viện khác (chưa được cấp mã đào tạo)			
3.3	Hội nghề nghiệp (Hội KSNK...)			
3.4	Tổ chức nước ngoài			



✓

4.	Tài liệu huấn luyện, quy trình, catalogue của máy có tại nơi nội soi và dễ dàng tiếp cận			
5.	Nhân viên phụ trách xử lý dụng cụ được huấn luyện về quy trình xử lý dụng cụ và về độc tính của hoá chất sử dụng			
6.	Nhân viên phụ trách xử lý dụng cụ được kiểm tra năng lực định kỳ hằng năm (<i>qua kỳ thi tay nghề của bệnh viện</i>)			
II.	Cơ sở hạ tầng, phương tiện			
7.	Phòng xử lý ống nội soi tách biệt với phòng nội soi			
8.	Phòng xử lý ống nội soi có thông khí tốt (<i>có cửa sổ hoặc có trao đổi khí chủ động</i>)			
9.	Bảo đảm đầy đủ các phương tiện cần có trong phòng xử lý ống nội soi mềm			
9.1	❖ Nguồn nước			
9.1.1	Nước R.O			
9.1.2	Nước vô khuẩn			
	+ Nước cất đóng chai			
	+ Nước cất chứa trong can			
	+ Phin lọc			
9.2	❖ Bồn			
9.2.1	Tổng số bồn			
	+ có nắp đậy			
	+ có vạch đo lường			
9.2.2	Chất liệu			
	+ nhựa thường			
	+ nhựa chuyên dụng (<i>tái chế được</i>)			
	+ inox			
	+ Khác.....loại:.....			
9.3	❖ Phương tiện làm khô			
9.3.1	Tổng số súng làm khô			
9.3.2	Có kiểm soát khí xấy khô			
9.3.3	Khăn vô khuẩn để lau khô			
9.3.4	Còn 70 độ để tráng ống			
9.4	❖ Tủ lưu trữ			
9.4.1	Tủ thường không có bảo vệ vô khuẩn			
9.4.2	Tủ gắn đèn UV			
9.4.3	Tủ chuyên dụng (<i>phin lọc khí HEPA, tia UV phối hợp,...</i>)			

9.5	❖ Xe vận chuyển			
9.5.1	Xe vận chuyển chuyên dụng			
9.5.2	Hộp vận chuyển			
10.	Hệ thống nước sử dụng cho máy rửa nội soi:			
10.1	Nước máy			
10.2	Nước qua hệ thống lọc RO khử kim loại			
10.3	Nước qua hệ thống phin lọc (phin được thay theo khuyến cáo nhà sản xuất)			
10.4	Có xây dựng tiêu chuẩn nguồn nước cho tráng rửa DC nội soi			
III.	Quy trình xử lý dụng cụ nội soi mềm (bằng máy)			
11.	Có xây dựng quy trình xử lý dụng cụ nội soi			
12.	Quy trình có dán tại nơi xử lý dụng cụ nội soi			
13.	Thực hiện đầy đủ các bước thực hiện theo các bước của bảng kiểm BYT			
13.1	Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện			
13.1.1	Hóa chất làm sạch là dung dịch có chứa enzyme được pha đúng nồng độ của nhà sản xuất			Tên Hoá chất:
13.1.2	Hóa chất khử khuẩn là dung dịch khử khuẩn mức độ cao được pha đúng nồng độ của nhà sản xuất			Tên Hoá chất:
13.1.3	Máy rửa nội soi và các bồn rửa, thùng đựng hoá chất để ở khu xử lý tách biệt với phòng soi			
13.1.4	Các bồn rửa, thùng đựng hoá chất để theo thứ tự một chiều từ dơ đến sạch			
13.1.5	Làm test đánh giá hiệu lực diệt khuẩn của dung dịch hoá chất khử khuẩn mức độ cao hàng ngày và có ghi chép vào sổ			
13.1.6	Hệ thống nước sử dụng cho máy rửa nội soi phải bảo đảm chất lượng nước dùng cho máy rửa, nước mềm.			
13.1.7	Nước tráng rửa sau cùng là nước vô khuẩn (nước được xử lý qua màng siêu lọc có kích thước $\leq 0,2$ micron hoặc nước cất vô khuẩn)			
13.1.8	Có khăn lau vô khuẩn			
13.1.9	Có thùng đựng vô khuẩn			
13.1.10	Phương tiện PHCN đủ: áo choàng, tạp dề chống thấm nước, khẩu trang kính bảo hộ, mũ, găng tay các loại)			
13.1.11	Người xử lý mặc PTPHCN đúng quy định			
13.2	Quy trình xử lý			
13.2.1	Tiền làm sạch/Làm sạch ban đầu Tại phòng nội soi và Trước khi rút ống soi ra khỏi nguồn sáng và bộ xử lý			


 BỘ Y TẾ
 VIỆT NAM
 TÊN HOÁ CHẤT:

	-Lau mặt ngoài ống soi bằng gạc có tẩm dung dịch tẩy rửa có enzym.			
	-Hút dung dịch tẩy rửa vào các kênh trong lòng ống.			
	-Kích hoạt các van nước, van khí nhiều lần để rửa sạch mọi bề mặt.			
	-Loại bỏ tất cả các chất hữu cơ, máu, niêm mạc còn đọng lại.			
13.2.2	Tháo ống ra khỏi nguồn sáng và bộ xử lý			
	-Tháo ống ra khỏi máy, đặt trong hộp kín có dán nhãn “Ống soi chưa xử lý”			
	-Vận chuyển đến phòng xử lý ống nội soi mềm.			
	Tại phòng/ khu vực xử lý ống soi			
13.2.3	Kiểm tra rò rỉ (theo hướng dẫn của nhà sản xuất ống nội soi mềm và nhà sản xuất máy rửa)			
	-Đặt các ống nội soi mềm trong bộ phận xử lý theo hướng dẫn. Đậy nắp chậu ngâm (soaking cap) nếu đã mở ra khi làm sạch.			
	- Nói đầu nối kiểm tra rò rỉ vào ống nội soi mềm và máy rửa tự động theo hướng dẫn.			
	Bật chương trình kiểm tra rò rỉ: - Nếu có rò rỉ: Gửi phòng vật tư trang thiết bị bảo trì ống nội soi mềm, sau đó tiến hành tiếp Bước 4 - Nếu không có rò rỉ: Tiến hành tiếp Bước 4.			
13.2.4	Làm sạch, khử khuẩn, làm khô			
	-Gắn tất cả các bộ phận kết nối ống theo hướng dẫn của nhà sản xuất dụng cụ và nhà sản xuất máy để bảo đảm sự tiếp xúc của tất cả các bề mặt bên trong với hóa chất khử khuẩn.			
	-Ngâm ngập dụng cụ trong hóa chất khử khuẩn mức độ cao. Khi thấy ống nội soi mềm không ngập chìm trong nước thì ngừng máy ngay.			
	-Bật chương trình làm sạch và khử khuẩn theo hướng dẫn của từng loại máy.			
	-Sau giai đoạn làm sạch, máy rửa được làm đầy bằng hóa chất khử khuẩn. Cho test thử nồng độ vào máy.			
13.2.5	Lấy ống và các phụ kiện ra khỏi máy khi máy dừng			
	Kiểm tra nếu có bộ phận nào bị sút khỏi đầu nối. Nếu có, phải lắp lại chương trình.			
13.2.6	Lắp ráp			
	-Lắp các phụ kiện (van hút, van khí...) vào vị trí			

	-Vận các khóa theo hướng dẫn			
	-Đặt ống soi vào thùng/ hộp đã hấp vô khuẩn có dán nhãn “Ống soi đã xử lý”; ghi rõ hạn sử dụng (trong vòng 24 giờ) và vận chuyển đến phòng nội soi để sử dụng.			
13.2.7	Bảo quản ống soi			
	Treo ống nội soi mềm ở tư thế đứng trong tủ sạch/tủ chuyên dụng với đầu ống soi tự do.			
13.3	Xử lý dụng cụ thiết yếu khác			
13.3.1	<i>Kiểm sinh thiết dùng 1 lần hoặc tiệt khuẩn nhiệt độ thấp</i>			
13.3.2	<i>Bồn ngâm, tráng nước vô khuẩn sau cùng được khử khuẩn mức độ cao</i>			
13.3.3	<i>Phễu chắn miệng dùng 1 lần/khử khuẩn/tiệt khuẩn theo quy định</i>			
IV.	Lưu trữ, vận chuyển dụng cụ			
14.	Ống nội soi mềm được lưu trữ trong tủ chứa chuyên dụng			
15.	Vận chuyển an toàn từ nơi xử lý đến nơi lưu trữ và đến máy soi			
V.	Kiểm tra, giám sát			
16.	Test thử đánh giá chất lượng hoá chất khử khuẩn bậc cao sử dụng vào mỗi buổi sáng trước khi nội soi và bỏ ngay nếu không đạt nồng độ hiệu quả tối thiểu (xem bảng kiểm tra) <i>Phải ghi ngày bắt đầu sử dụng. Kiểm tra dung dịch trước mỗi ngày sử dụng và ghi vào sổ kết quả. Nếu chỉ thị hóa học cho biết nồng độ ít hơn nồng độ tối thiểu hiệu quả, cần bỏ ngay)</i>			
17.	Khoa/đơn vị nội soi có giám sát quy trình xử lý dụng cụ nội soi			
18.	Khoa/đơn vị nội soi có xây dựng quy trình phản hồi cho khoa KSNK khi có nhiễm khuẩn liên quan đến nội soi			
19.	Khoa/Tổ KSNK thực hiện giám sát quy trình xử lý dụng cụ nội soi			
20.	Có sổ (hoặc phần mềm) ghi nhận lại từng trường hợp nội soi, tên NB, số nhập viện, bác sĩ nội soi, số seri của dụng cụ và máy rửa khử khuẩn (nếu sử dụng) để giúp điều tra dịch.			
21.	Có lịch bảo trì bảo dưỡng máy khử khuẩn nội soi tự động			
22.	Máy được kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng theo hướng dẫn của nhà sản xuất (xem sổ lưu)			



23.	Có đơn vị đánh giá chất lượng bên ngoài kiểm tra định kỳ hàng năm			
24.	Kiểm tra chất lượng nguồn nước dùng cho hệ thống xử lý dụng cụ nội soi mỗi quý			

Ưu điểm:

.....

Khuyết điểm:

.....

III. Đề nghị (*ghi rõ những nội dung bệnh viện cần khắc phục*)

.....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

Ngày tháng năm 2024
 ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

W